



zài nèi

在 内

Noun · (included) in it

Example Sentence

suǒ yǒu fèi yòng bāo kuò zhù sù fèi zài nèi yì gòng liǎng qiān yuán
所有费用，包括住宿费在内，一共两千元。

All costs, including the accommodation fee, total two thousand yuan.

Trace each character, then write the word on your own.

在 在 在 在 在 在 在 在

肉 肉 肉 肉 肉 肉 肉